

CHỦ TỊCH NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25/2012/L-CTN

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2012

LỆNH

Về việc công bố Luật

CHỦ TỊCH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Điều 103 và Điều 106 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ Điều 91 của Luật Tổ chức Quốc hội;

Căn cứ Điều 57 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật,

NAY CÔNG BỐ

Luật Hợp tác xã

Đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2012./.

CHỦ TỊCH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Trương Tấn Sang

QUỐC HỘI**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Luật số: 23/2012/QH13

**LUẬT
Hợp tác xã**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;

Quốc hội ban hành Luật Hợp tác xã.

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định việc thành lập, tổ chức và hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, thành viên hợp tác xã (sau đây gọi là thành viên), hợp tác xã thành viên của liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi là hợp tác xã thành viên) và tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến việc thành lập, tổ chức, hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Điều 3. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 07 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý hợp tác xã.

2. Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 04 hợp tác xã tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu chung của hợp tác xã thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý liên hiệp hợp tác xã.

3. Khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát triển đến trình độ cao hơn thì sẽ hình thành các doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Nhu cầu chung của thành viên, hợp tác xã thành viên* là nhu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ giống nhau phát sinh thường xuyên, ổn định từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, đời sống của thành viên, hợp tác xã thành viên. Đối với hợp tác xã tạo việc làm thì nhu cầu chung của thành viên là nhu cầu việc làm của thành viên trong hợp tác xã do hợp tác xã tạo ra.

2. *Vốn góp tối thiểu* là số vốn mà cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân phải góp vào vốn điều lệ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để trở thành thành viên, hợp tác xã thành viên.

3. *Vốn điều lệ* là tổng số vốn do thành viên, hợp tác xã thành viên góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

4. *Tài sản không chia* là một bộ phận tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được chia cho thành viên, hợp tác xã thành viên khi chấm dứt tư cách thành viên, tư cách hợp tác xã thành viên hoặc khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chấm dứt hoạt động.

5. *Hợp đồng dịch vụ* là thỏa thuận giữa hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã với thành viên, hợp tác xã thành viên về việc sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, hợp tác xã thành viên.

6. *Sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cho thành viên, hợp tác xã thành viên* là sản phẩm, dịch vụ do hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cung ứng cho thành viên, hợp tác xã thành viên theo hợp đồng dịch vụ thông qua một hoặc một số hoạt động sau đây:

a) Mua chung sản phẩm, dịch vụ từ thị trường để phục vụ cho thành viên, hợp tác xã thành viên;

b) Bán chung sản phẩm, dịch vụ của thành viên, hợp tác xã thành viên ra thị trường;

c) Mua sản phẩm, dịch vụ của thành viên, hợp tác xã thành viên để bán ra thị trường;

d) Mua sản phẩm, dịch vụ từ thị trường để bán cho thành viên, hợp tác xã thành viên;

đ) Chế biến sản phẩm của thành viên, hợp tác xã thành viên;

e) Cung ứng phương tiện, kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ thành viên, hợp tác xã thành viên;

g) Tín dụng cho thành viên, hợp tác xã thành viên;

h) Tạo việc làm cho thành viên đối với hợp tác xã tạo việc làm;

i) Các hoạt động khác theo quy định của điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

7. *Mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ của thành viên, hợp tác xã thành viên là tỷ lệ giá trị sản phẩm, dịch vụ mà từng thành viên, hợp tác xã thành viên sử dụng trên tổng giá trị sản phẩm, dịch vụ do hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cung ứng cho tất cả thành viên, hợp tác xã thành viên.*

Đối với hợp tác xã tạo việc làm thì mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ là công sức lao động đóng góp của thành viên đối với hợp tác xã được thể hiện bằng tỷ lệ tiền lương của từng thành viên trên tổng tiền lương của tất cả thành viên.

Điều 5. Bảo đảm của Nhà nước đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Công nhận và bảo hộ quyền sở hữu tài sản, vốn, thu nhập, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Trường hợp Nhà nước trưng mua, trưng dụng tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc lợi ích quốc gia thì được thanh toán, bồi thường theo quy định của pháp luật về trưng mua, trưng dụng tài sản.

2. Bảo đảm môi trường sản xuất, kinh doanh bình đẳng giữa hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã với các loại hình doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác.

3. Bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và không can thiệp vào hoạt động hợp pháp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Điều 6. Chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước

1. Nhà nước có chính sách hỗ trợ sau đây đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- a) Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực;
- b) Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường;
- c) Ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới;
- d) Tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã;
- đ) Tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội;
- e) Thành lập mới hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Nhà nước có chính sách ưu đãi sau đây đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

a) Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác theo quy định của pháp luật về thuế;

b) Ưu đãi lệ phí đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

3. Đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp, ngoài việc được hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này còn được hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi sau đây:

- a) Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng;
- b) Giao đất, cho thuê đất để phục vụ hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật về đất đai;
- c) Ưu đãi về tín dụng;
- d) Vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh;
- đ) Chế biến sản phẩm.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này căn cứ vào lĩnh vực, địa bàn, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ của đất nước và trình độ phát triển của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Điều 7. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân tự nguyện thành lập, gia nhập, ra khỏi hợp tác xã. Hợp tác xã tự nguyện thành lập, gia nhập, ra khỏi liên hiệp hợp tác xã.

2. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kết nạp rộng rãi thành viên, hợp tác xã thành viên.

3. Thành viên, hợp tác xã thành viên có quyền bình đẳng, biểu quyết ngang nhau không phụ thuộc vốn góp trong việc quyết định tổ chức, quản lý và hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; được cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác về hoạt động sản xuất, kinh doanh, tài chính, phân phối thu nhập và những nội dung khác theo quy định của điều lệ.

4. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tự chủ, tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước pháp luật.

5. Thành viên, hợp tác xã thành viên và hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có trách nhiệm thực hiện cam kết theo hợp đồng dịch vụ và theo quy định của điều lệ. Thu nhập của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được phân phối chủ yếu theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ của thành viên, hợp tác xã thành viên hoặc theo công sức lao động đóng góp của thành viên đối với hợp tác xã tạo việc làm.

6. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quan tâm giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng cho thành viên, hợp tác xã thành viên, cán bộ quản lý, người lao động trong hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và thông tin về bản chất, lợi ích của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

7. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chăm lo phát triển bền vững cộng đồng thành viên, hợp tác xã thành viên và hợp tác với nhau nhằm phát triển phong trào hợp tác xã trên quy mô địa phương, vùng, quốc gia và quốc tế.